` **TÒA ÁN NHÂN DÂN**
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2024
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Lộc**.

Ông **Nguyễn Ánh Ngọc**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Bích V**, sinh năm 1977.

- *Bị đơn*: Anh **Vũ Thành L**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 93/3D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V, anh L đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2024, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Bích V trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị V và anh L quen biết nhau, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất vào ngày 05/5/1995. Đây là hôn nhân lần đầu của chị V.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng ở ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, đến năm 2005 thì vợ chồng chuyển đến ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài từ khi kết hôn đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do tính tình của chị V và anh L không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và lối sống, thường xuyên xảy ra cự cãi trong gia đình, anh L hay dùng lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị V, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn giữa chị V và anh L đã được gia đình hai bên hòa giải những vẫn không thể giải quyết được. Vợ chồng cũng đã cùng ngồi lại với nhau để giải quyết những mâu thuẫn nhưng không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay giữa chị V và anh L đã không còn tình cảm với nhau, tuy hiện nay anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống, giữa anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh L cũng không chủ động và không muốn hàn gắn với chị V. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Thành L.

- *Về con chung*: Theo chị V trong quá trình chung sống chị và anh L có 03 người con chung là cháu Vũ Thị Bạch T, sinh năm 1995; cháu Vũ Trường H, sinh năm 1999 và cháu Vũ Ngọc Tr, sinh năm 2006. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị V không còn yêu cầu gì khác, ngày 14/8/2024 chị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn anh Vũ Thành L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích V.*

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích V được ly hôn với anh Vũ Thành L.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh L có 03 người con chung là cháu Vũ Thị Bạch T, sinh năm 1995; cháu Vũ Trường H, sinh năm 1999 và cháu Vũ Ngọc Tr, sinh năm 2006. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2024 cho nguyên đơn chị Trần Thị Bích V và bị đơn anh Vũ Thành L. Ngày 14/8/2024 chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Thành L nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Thành L hiện đang cư trú tại số 98/3D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Trần Thị Bích V là nguyên đơn, anh Vũ Thành L là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 56, 57 và Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Trần Thị Bích V và anh Vũ Thành L khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/5/1995 theo quy định tại Điều 5, 6 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình chị V trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, mắng chửi xúc phạm nhau, tuy anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không lo lắng cho nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị V tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Theo chị V trình bày chị V và anh L có 03 người con chung là cháu Vũ Thị Bạch T, sinh năm 1995; cháu Vũ Trường H, sinh năm 1999 và cháu Vũ Ngọc Tr, sinh năm 2006. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Chị V khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung, nợ riêng: Chị V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị V, anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích V về việc "Ly hôn" với anh Vũ Thành L. Xử cho chị Trần Thị Bích V và anh Vũ Thành L ly hôn.

[2.2] Về con chung: Theo chị Trần Thị Bích V trình bày, chị và anh Vũ Thành L có 03 người con chung là cháu Vũ Thị Bạch T, sinh năm 1995; cháu Vũ Trường H, sinh năm 1999 và cháu Vũ Ngọc Tr, sinh năm 2006. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bích V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008046 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết teo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã G, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 19/1995);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường